

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày 18 - 10 - 2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hời

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 9 năm 2019; theo quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc Q, sinh năm 1983 và chị Phạm Thị P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt chị P, vắng mặt anh Q có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2013, chị H có mở cửa hàng kinh doanh bán cám chăn nuôi gia súc, gia cầm (thức ăn chăn nuôi). Vợ chồng anh Q và chị P có đến cửa hàng của chị đặt vấn đề mua thức ăn chăn nuôi, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập biên bản hay giấy tờ gì, khi mua xong anh Q và chị P trả tiền ngay không nợ gì. Từ năm 2015, anh Q và chị P vẫn tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi của chị, nhưng do khó khăn nên đề nghị cho trả dần, trả chậm. Anh Q có hẹn chị sau 04 đến 05 tháng được thu hoạch gà, lợn anh sẽ trả hết tiền nợ nên tôi đã đồng ý. Mỗi lần anh Q, chị P mua thức ăn chăn nuôi đều có ghi và chốt vào sổ theo dõi là còn nợ lại bao nhiêu tiền, vì anh Q và chị P không trả chị tiền nợ như đã hẹn nên đến cuối năm 2016 thì chị không bán thức ăn chăn nuôi cho anh Q và chị P nữa.

Đến năm 2018, chị H và anh Q, chị P đã cùng nhau chốt sổ nợ và thống nhất công nợ là: 104.310.000đồng, đến ngày 12/10/2018 thì anh Q và chị P trả được 15.000.000đồng. Còn nợ 89.310.000đồng, anh Q có hẹn chị đến tháng 4/2019 sẽ trả hết, nhưng không trả, chị đã đòi nhiều lần nhưng anh Q và chị P cứ khất mãi không trả. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Q và chị P phải trả 89.310.000đồng, chị không yêu cầu anh Q, chị P phải trả lãi suất khoản tiền nợ nêu trên.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc Q trình bày: Vào khoảng năm 2013, chị H có đến tận gia đình anh giới thiệu về loại cám Hope chăn cả lợn và gà, khi đó gia đình đang chăn gà, lợn nên anh đã đồng ý mua cám của cửa hàng chị H. Việc thỏa thuận mua bán cám giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập biên bản hay giấy tờ gì. Tuy nhiên, sau mỗi lần lấy cám có chốt số tiền vào sổ của chị H và sổ theo dõi số tiền của gia đình. Thời gian đầu mua cám vợ chồng anh đều thanh toán tiền cho chị H. Từ năm 2015 cho đến nay do trong chăn nuôi thua lỗ, đàn gia súc, gia cầm dịch bệnh nên vợ chồng anh phải trả chậm trả dần cho chị H. Đến năm 2018 chốt sổ nợ, vợ chồng anh còn nợ chị H số tiền là: 104.310.000đồng, đến ngày 12/10/2018 trả tiếp 15.000.000đồng và hẹn chị H sau khi xuất bán gia súc, gia cầm sẽ trả ít nhiều cho chị H, do thua lỗ trong chăn nuôi nên chưa trả được. Vợ chồng anh xin khất chị H đến tháng 8/2019 sẽ trả tiếp nhưng chị H không nhất trí. Nay anh xác định, vợ chồng còn nợ chị H số

tiền 89.310.000đồng. Chị H yêu cầu vợ chồng anh trả hết số tiền này trong một lần thì không có khả năng. Vì, hiện nay vợ chồng anh rất khó khăn do chăn nuôi thua lỗ và xin trả dần mỗi năm 15.000.000đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Bị đơn chị Phạm Thị P: Nhất trí với ý kiến của chồng là anh Nguyễn Khắc Q, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, chị H trình bày yêu cầu anh Q, chị P phải trả số tiền 89.310.000đồng vào năm 2020 và 2021, cụ thể:

Năm 2020 phải trả 50.000.000đồng, cho trả làm 02 lần: Ngày 20/5/2020 trả 25.000.000 đồng; ngày 20/10/2020 trả 25.000.000 đồng;

Năm 2021 phải trả 39.310.000đồng, cho trả làm 02 lần: Ngày 20/5/2021 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/10/2021 trả 19.310.000 đồng.

Tôi không yêu cầu anh Q, chị P phải trả lãi suất cho tôi số tiền nợ 89.310.000đồng.

Tại phiên tòa, chị P trình bày: vợ chồng chị còn nợ tiền mua cám thức ăn chăn nuôi của chị H là 89.310.000 đồng, chị đồng ý trả dần cho chị H mỗi năm 15.000.000đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS:

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 428 và Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 89.310.000đ (Tám mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng), cụ thể:

Năm 2020 phải trả 50.000.000đồng, cho trả làm 02 lần: Ngày 20/5/2020 trả 25.000.000 đồng; ngày 20/10/2020 trả 25.000.000 đồng;

Năm 2021 phải trả 39.310.000đồng, cho trả làm 02 lần: Ngày 20/5/2021 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/10/2021 trả 19.310.000 đồng.

Anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P không phải trả lãi do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Q, chị P phải chịu 4.465.500đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Chị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P có địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi, nên quan hệ pháp luật được xác định là: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do giao dịch dân sự được xác lập trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng các quy định về hợp đồng mua bán tài sản, theo quy định tại Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Bị đơn anh Nguyễn Khắc Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Khắc Q.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự cho thấy: giữa chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Khắc Q, chị Phạm Thị P có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi, hai bên đã thống nhất xác nhận về số tiền còn nợ là: 89.310.000 đồng. Việc giao dịch bằng miệng giữa các đương sự về mua bán tài

sản được xác lập từ năm 2013 và được các bên tôn trọng và thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật, cụ thể:

Vào năm 2013, chị H và anh Q, chị P có hợp đồng bằng miệng về mua bán thức ăn chăn nuôi. Theo thỏa thuận chị H đã bán cho vợ chồng anh Q, chị P thức ăn chăn nuôi từ năm 2013 đến cuối năm 2016 với hình thức trả chậm, trả dần. Đến năm 2018, chị H và anh Q, chị P đã chốt công nợ là: 104.310.000 đồng; ngày 12/10/2018, anh Q và chị P trả được 15.000.000 đồng cho chị H, còn nợ là: 89.310.000 đồng. Chị H đã thực hiện nghĩa vụ giao thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Q, chị P nhưng vợ chồng anh Q, chị P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho chị H là vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Nay, chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q, chị P phải thanh toán số tiền mua thức ăn chăn nuôi nêu trên là có căn cứ và được chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[5] Về thời hạn trả nợ và phương thức thanh toán:

- Chị H yêu cầu thanh toán nợ cụ thể như sau:

+ Năm 2020, anh Q và chị P phải trả 50.000.000đồng, trả làm 02 lần: Ngày 20/5/2020 phải trả 25.000.000đồng; ngày 20/10/2020 phải trả 25.000.000đồng;

+ Năm 2021, anh Q và chị P phải trả 39.310.000đồng, trả làm 02 lần: Ngày 20/5/2021 phải trả 20.000.000 đồng; ngày 20/10/2021 phải trả 19.310.000 đồng.

- Anh Q, chị P xin được trả dần từng đợt, mỗi năm vợ chồng sẽ trả 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

Do yêu cầu của vợ chồng anh Q không được chị H đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, buộc vợ chồng anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H 89.310.000 đồng.

[6] Về lãi suất: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P phải trả lãi suất khoản nợ gốc nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy việc phát biểu của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

anh Nguyễn Khắc Q, chị Phạm Thị P có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: $89.310.000 \text{ đ} \times 5\% = 4.465.500 \text{ đồng}$. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 428 và Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P.

2. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 89.310.000đ (Tám mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng). Anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P không phải trả lãi do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

3. Thời hạn trả nợ và phương thức thanh toán:

Vợ chồng anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị H 89.310.000đ (Tám mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng), cụ thể:

- Năm 2020, anh Q và chị P phải trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trả làm 02 lần:

+ Ngày 20/5/2020 phải trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

+ Ngày 20/10/2020 phải trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

- Năm 2021, anh Q và chị P phải trả 39.310.000đ (Ba mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng), trả làm 02 lần:

+ Ngày 20/5/2021 phải trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

+ Ngày 20/10/2021 phải trả 19.310.000đ (Mười chín triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Q và chị P không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Nguyễn Khắc Q và chị Phạm Thị P phải chịu 4.465.500đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước. Chị Nguyễn Thị H được hoàn lại số tiền 2.232.750đ (Hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo biên lai số 0000823 ngày 10 tháng 6 năm 2019.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (chị H), bị đơn (chị P) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn (anh Q) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Sái Đức Trung

ÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2017/HNGD.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Về việc: *Tranh chấp HĐMBTS*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Minh Lý** - Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Bà Nguyễn Thị Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình.

Đại diện VKSND huyện Phú Bình tham gia phiên tòa : Không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Hữu, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Đồng Tiến, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
(cú mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Chị Lê Thị Hằng, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm Hóa, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
(cú mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trần Văn Hữu trình bày: Anh có mở tiệm kinh doanh sơn tại xóm Đồng Tiến, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Vào năm 2011 chị Lê Thị Hằng có đến cửa hàng của anh đặt vấn đề mua sơn để về sơn nhà. Ngoài mua sơn chị Hằng còn đặt vấn đề thuê anh sơn nhà cho chị, hai bên thống nhất sau khi sơn nhà xong chị Hằng sẽ thanh toán tiền sơn và tiền công sơn. Theo thỏa thuận anh đã bán cho chị Hằng tổng số sơn có giá trị là 52.575.000 đồng và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng. Thế nhưng sau khi sơn nhà xong anh Hữu yêu cầu chị Hằng thanh toán tiền sơn và tiền công sơn nhà nhưng chị Hằng không trả, mà cứ khát hết lần này đến lần khác; anh đó đến đui nhiều lần nhưng chị Hằng không thanh toán trả cho anh. Nay anh Hữu yêu cầu chị Hằng phải trả anh toàn bộ số tiền mua sơn còn nợ và tiền công sơn nhà là 62.575.000 đồng. Anh Hữu không yêu cầu chị Hằng phải trả lãi.

Bị đơn Lê Thị Hằng trình bày: Vào năm 2011 chị xây ngôi nhà ở 3 tầng và có nhu cầu sơn nhà. Chị có giao dịch thỏa thuận mua sơn của anh Trần Văn Hữu. Ngoài việc thỏa thuận mua sơn, hai bên có thỏa thuận chị thuê anh Hữu sơn nhà cho chị và anh Hữu có cung cấp sơn và thuê người đến sơn nhà cho chị. Chị xác nhận tổng số tiền sơn đến nay chị còn nợ anh Hữu là 52.575.000 đồng, tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền chị còn nợ anh Hữu là: 62.575.000 đồng. Chị cam kết sẽ có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho anh Hữu, nhưng vì hiện nay điều kiện kinh tế của chị rất khó khăn, bản thân chị sắp đến ngày sinh con nên chị xin anh Hữu cho chị được khát thêm vài năm nữa, sau khi con chị lớn chị sẽ thu xếp trả.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án Dân sự quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của tòa án huyện Phỳ Bõnh, tỉnh Thỏi Nguyên.

[1] Về nội dung:

Năm 2011 giữa anh Trần Văn Hữu và chị Lê Thị Hằng đã thỏa thuận hợp đồng mua bán sơn và sơn nhà đây là hợp đồng mua bán và dịch vụ quy định tại Điều 430 và Điều 513 BLDS.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thờ thấy: Năm 2011 anh Hữu có hợp đồng bằng miệng với chị Hằng về việc mua bán sơn và sơn nhà. Theo thỏa thuận anh Hữu đó bõn cho chị Hằng sơn để sơn nhà với tổng số tiền là 52.575.000 đồng tiền sơn và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng; anh Hữu đó thực hiện nghĩa vụ giao sơn và sơn nhà cho chị Hằng, nhưng chị Hằng không thực hiện nghĩa vụ

thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Nay anh Hữu khởi kiện chị Hằng yêu cầu thanh toán số tiền sơn và tiền công sơn nhà là 62.575.000 đồng. Chứng cứ anh Hữu xuất trình là 01 giấy nhận nợ của chị Lò Thị Hằng.

Điều 440 Bộ luật dân sự có quy định về nghĩa vụ trả tiền như sau:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 513 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng dịch vụ như sau:

Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Hữu, cần buộc chị Hằng thanh toán trả cho anh Hữu số tiền cũn nợ tròn.

Xét yêu cầu của bị đơn chị Lê Thị Hằng thấy: chị Hằng xác nhận đã mua sơn của anh Hữu và thuê anh Hữu sơn nhà từ năm 2011, đến nay chị vẫn chưa trả anh Hữu khoản tiền nào, vì hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn, hiện nay chị sắp sinh con nên không thể trả tiền ngay cho anh Hữu được. Bản thân chị cũng không thể xác định được đến khi nào mới có thể trả tiền cho anh Hữu, chị đề nghị anh Hữu để cho chị sinh con xong khi nào con chị lớn, chị đi làm sẽ trả dần cho anh Hữu. anh Hữu không nhất trí. Việc chị Hằng không thanh toán tiền sơn và tiền công sơn nhà cho anh Hữu là do vi phạm nghĩa vụ của bên mua tài sản, nay chị xác nhận số tiền cũn nợ của anh Hữu nhưng không xác định được thời gian thanh toán nợ là không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hằng, buộc chị Hằng phải thanh toán trả cho anh Hữu số tiền là 62.575.000 đồng và khụng phải trả lãi do anh Hữu khụng yờu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hằng phải nộp tiền án phí DSST sung quỹ Nhà nước. Anh Hữu được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đó nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 513, 519; khoản 2 Điều 468; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Hữu đối với chị Lê Thị Hằng.

2. Buộc chị Lê Thị Hằng phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Trần Văn Hữu số tiền mua tài sản là 52.575.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tổng cộng chị Hằng phải trả cho anh Hữu số tiền là: **62.575.000 đồng** (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng*). Chị Hằng khụng phải trả lói do anh Hữu khụng yờu cầu.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hữu có đơn yêu cầu thi hành ỏn, nếu chị Hằng không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hằng phải nộp 3.128.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Anh Trần Văn Hữu được hoàn số tiền 1.314.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình theo biên lai thu 0000158 ngày 27/7/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho Anh Hữu, chị Hằng biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Minh Lý